

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: Luật Kinh tế

MÃ NGÀNH: 9380107

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2944.1../QĐ-NTT ngày 22 tháng 12 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo

+ Tên tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Economic Law

+ Tên tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Luật kinh tế

Chuyên ngành (nếu có): Luật Kinh tế

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ - Bậc 8

Định hướng đào tạo: ☒ Nghiên cứu ☐ Ứng dụng

Khóa học áp dụng từ: 2026

Thời gian đào tạo: 36 tháng (NCS có bằng Thạc sĩ thuộc lĩnh vực pháp luật)

48 tháng (NCS chưa có bằng Thạc sĩ thuộc lĩnh vực pháp luật)

Tên văn bằng tốt nghiệp: Tiến sĩ chuyên ngành Luật kinh tế

Đơn vị đào tạo:

+ Khoa Luật

+ Địa chỉ văn phòng: Lầu 1, 331 Đỗ Mười, phường An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh.

+ Điện thoại liên lạc: 1900 2039 (436)

2. Các tiêu chí tuyển sinh và chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Yêu cầu đối với người dự tuyển:

- Có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Trường hợp chưa có bằng thạc sĩ thì phải có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

- Có kinh nghiệm nghiên cứu được thể hiện qua luận văn thạc sĩ, đề án thạc sĩ của CTĐT định hướng nghiên cứu hoặc ứng dụng; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;
- Có Phiếu đăng ký dự xét tuyển NCS; một đề cương về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng: đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu; mục tiêu và mong muốn đạt được; lý do lựa chọn cơ sở đào tạo; dự kiến kế hoạch học tập; nghiên cứu toàn khóa thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người/tập thể hướng dẫn (nếu có).
- Có đủ trình độ tiếng Anh để học, tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Người dự tuyển nếu là công dân nước ngoài đăng ký theo học CTĐT trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Hiệu trưởng quyết định.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Nhà trường (đóng học phí; hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).

3. Chuẩn đầu ra CTĐT (viết tắt là: PLOs)

CTĐT ngành Luật kinh tế trình độ Tiến sĩ		
Sau khi hoàn tất chương trình, NCS tốt nghiệp có thể:		
<u>Kiến thức</u>		
PLO1	K1	Đánh giá được hệ thống tri thức chuyên sâu đã được đúc kết và các vấn đề lý luận, thực tiễn mới phát sinh trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.
PLO2	K2	Đánh giá và sáng tạo các lý thuyết khoa học, phương pháp nghiên cứu để thực hiện hoạt động nghiên cứu, trao đổi học thuật trên các diễn đàn khoa học.

PLO3	K3	Sáng tạo trong giải quyết những vấn đề khoa học pháp lý mới đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan thuộc lĩnh vực luật kinh tế.
<u>Kỹ năng</u>		
PLO4	S1	Thực hiện thuần thục kỹ năng đánh giá, phản biện các quan điểm, học thuyết khoa học, từ đó có thể luận giải và dự báo được những vấn đề pháp lý mới phát sinh có liên quan đến khoa học luật kinh tế ở trong nước cũng như ở nước ngoài.
PLO5	S2	Làm chủ hệ thống tri thức chuyên sâu về pháp luật kinh tế và vận dụng thành thạo các quan điểm, học thuyết để phân tích, lý giải độc lập các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.
PLO6	S3	Thực hiện thuần thục các kỹ năng thảo luận các vấn đề chuyên môn, trình bày kết quả nghiên cứu, hợp tác và liên kết trong nghiên cứu thuộc lĩnh vực luật kinh tế; đưa ra được các ý kiến, quyết định ở cấp độ chuyên gia về các vấn đề chính sách, pháp luật kinh tế.
<u>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</u>		
PLO7	A1	Hình thành khả năng thích ứng với môi trường làm việc đòi hỏi không ngừng học tập, nghiên cứu để cập nhật, phát triển tri thức mới; chủ động đề xuất, chủ trì, tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu các cấp và ứng dụng kiến thức vào thực tiễn công việc.
PLO8	A2	Hình thành năng lực tư duy độc lập để đưa ra các quyết định, quan điểm khoa học độc lập với tư cách chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật kinh tế và thích ứng với các môi trường làm việc cần sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.
PLO9	A3	Hình thành ý thức tuân thủ yêu cầu liêm chính học thuật; tuân thủ quy định pháp luật về quyền tác giả trong tổ chức và thực hiện hoạt động nghiên cứu, có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần bảo vệ công lý.

4. Các điều kiện bảo vệ luận án

Đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn:

- Đã hoàn thành các học phần trong CTĐT tiến sĩ;
- Có bản thảo luận án tiến sĩ được người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn đồng ý đề xuất được đánh giá cấp đơn vị chuyên môn;
- Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước ngành luật quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án;
- Yêu cầu trên đây có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế; hoặc 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia, quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao; có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

Điều kiện Đánh giá luận án cấp trường:

- Có bản thảo luận án là công khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của NCS, thể hiện NCS có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức, có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể;
- Đạt quy trình phản biện độc lập;
- Tuân thủ quy định của Nhà trường về hình thức trình bày, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liêm chính học thuật; minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của NCS và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác có liên quan và của pháp luật về sở hữu trí tuệ;
- Hoàn thành học phí, lệ phí theo quy định;
- NCS không trong thời gian thi hành án hình sự hoặc bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

5. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

NCS được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

- Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo đồng ý thông qua;
- Nghiên cứu sinh đã nộp cho cơ sở đào tạo (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);
- Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của cơ sở đào tạo;
- NCS hoàn thành các quy định khác theo quy chế của nhà trường.

6. Thang điểm

Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ và thang điểm 10 cụ thể như sau:

TT	Thang điểm 10	Điểm quy đổi sang điểm chữ	Thang điểm 4	Xếp loại
a) Loại đạt:				
1.	8,5 – 10,0	A	4	Giỏi
2.	7,0 – 8,4	B	3	Khá
3.	6,0 – 6,9	C	2	Trung bình
b) Loại không đạt:				
4.	Dưới 6,0	F	0	Kém

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

CTĐT ngành Luật Kinh tế trình độ tiến sĩ nhằm trang bị cho NCS:

- PO1 (Kiến thức). Cung cấp hệ thống tri thức chuyên sâu, cập nhật các vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật kinh tế; làm chủ và vận dụng được các lý thuyết khoa học, phương pháp nghiên cứu để thực hiện cũng như hướng dẫn thực hiện hoạt động nghiên cứu, trao đổi học thuật trên các diễn đàn khoa học nhằm phát hiện, giải quyết những vấn đề khoa pháp lý mới đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan thuộc trong lĩnh vực pháp luật kinh tế. NCS sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng tri thức

chuyên sâu và cập nhật để giải quyết hiệu quả các thách thức pháp lý phức tạp trong bối cảnh nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

- PO2 (Kỹ năng). Trang bị, rèn luyện kỹ năng đánh giá, phản biện các quan điểm, học thuyết khoa học; tư duy khoa học độc lập để có thể vận dụng sáng tạo các quan điểm, học thuyết khoa học; so sánh, đánh giá mức độ tương thích giữa pháp luật Việt Nam với pháp luật nước ngoài, các thông lệ quốc tế và tập quán quốc tế nhằm rút ra bài học kinh nghiệm hoặc củng cố cho các luận điểm khoa học được thể hiện trong các kết quả nghiên cứu; luận giải và dự báo được những vấn đề pháp lý mới phát sinh có liên quan đến khoa học luật kinh tế. NCS sau khi tốt nghiệp có năng lực độc lập nghiên cứu, sáng tạo ra các tri thức mới, học thuyết mới hoặc các giải pháp pháp lý mang tính đột phá, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế Việt Nam tương thích với thông lệ quốc tế.
- PO3 (Mức tự chủ và trách nhiệm). Hình thành và phát triển ý thức chủ động khám phá tri thức; đưa ra các quyết định, quan điểm khoa học độc lập; tư duy khoa học độc lập; có đạo đức nghề nghiệp và tinh thần bảo vệ công lý để vận dụng sáng tạo các quan điểm, học thuyết vào giải quyết các vấn đề liên quan tới pháp luật kinh tế. NCS sau khi tốt nghiệp thể hiện rõ vai trò dẫn dắt về chuyên môn, tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực đạo đức trong nghiên cứu và hành nghề luật; góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội thông qua công cụ pháp lý.

Sự phù hợp của mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra chương trình

Mục tiêu đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
PEO1	X	X	X						
PEO2				X	X	X			
PEO3							X	X	X

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thiết kế CTĐT

Phân tích năng lực nghề nghiệp của người làm nghề gồm năng lực chung và năng lực chuyên môn;

So sánh đối chiếu đảm bảo tuân thủ với Luật giáo dục đại học, Khung trình độ quốc gia và Thông tư quy định về khối lượng kiến thức của trình độ Tiến sĩ (bậc 8);

Tổ chức khảo sát để lấy ý kiến các bên liên quan về: các năng lực, công việc cần thực hiện theo từng năng lực; các kỹ năng cần có và các yêu cầu đặc biệt và tiên tiến khác của thời đại. Phân tích và tổng hợp ý kiến và xây dựng các Năng lực của NCS tốt nghiệp;

Xây dựng Mục tiêu, Chuẩn Đầu ra của CTĐT;

Lập ma trận tương quan giữa các yêu cầu năng lực học viên tốt nghiệp, mục tiêu CTĐT và chuẩn đầu ra của chương trình;

Thiết kế cấu trúc CTĐT, xác định các môn học cần đưa vào chương trình giảng dạy nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra. Đối chiếu, so sánh với các CTĐT trong nước và quốc tế;

Xây dựng Đề cương chi tiết các học phần dựa trên Chuẩn đầu ra của CTĐT, phương pháp kiểm tra đánh giá, nội dung giảng dạy và lộ trình học tập để NCS đạt được các kết quả học tập mong đợi.

2. Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA NCS TỐT NGHIỆP	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
C1: Phân tích, tổng hợp, đánh giá và giải quyết các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực luật kinh tế.	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý và liên chính học thuật (3 tín chỉ)	4	3	4.4 %
	Môi trường và phát triển bền vững (2 tín chỉ)		2	
	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp trong nền kinh tế số (2 tín chỉ)		2	
	Quyền sở hữu trí tuệ và cạnh tranh trong bối cảnh biến đổi toàn cầu (2 tín chỉ)		3	
C2: Tư duy và phản biện khoa học.	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý và liên chính học thuật (3 tín chỉ)	5	3	92.2 %

	Báo cáo đề cương chi tiết của án tiến sĩ		5	
	Chuyên đề tổng quan		10	
	Chuyên đề nghiên cứu 1		15	
	Chuyên đề nghiên cứu 2		15	
	Công bố khoa học liên quan đến luận án		5	
	Luận án tiến sĩ		25	
	Báo cáo đề cương chi tiết luận của án tiến sĩ		5	
C3: Phân tích, đánh giá, lựa chọn giải pháp giải quyết vấn đề pháp lý với tư cách chuyên gia trong lĩnh vực luật kinh tế.	Chuyên đề tổng quan		10	94.4 %
	Chuyên đề nghiên cứu 1		15	
	Chuyên đề nghiên cứu 2		15	
	Công bố khoa học liên quan đến luận án		5	
	Luận án tiến sĩ		25	
	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý và liên chính học thuật (3 tín chỉ)		3	
	Lý luận chuyên sâu về luật hợp đồng (3 tín chỉ)		3	
	Lý luận chuyên sâu về thương mại và thương mại quốc tế (3 tín chỉ)		3	
	Môi trường và phát triển bền vững (2 tín chỉ)		2	
	Quyền sở hữu trí tuệ và cạnh tranh trong bối cảnh biến đổi toàn cầu (2 tín chỉ)		2	
	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp trong nền kinh tế số (2 tín chỉ)		2	
	Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về dịch vụ cảng biển		2	

	Pháp luật về lao động và an sinh xã hội chuyên sâu		2	
	Pháp luật về kinh doanh trong nền kinh tế số		2	
	Pháp luật tài chính ngân hàng chuyên sâu		2	

3. Tóm tắt các khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học:

Đối với NCS có bằng Thạc sĩ *thuộc lĩnh vực Pháp luật*: 90 tín chỉ.

STT	Khối kiến thức	Khối lượng kiến thức			
		Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tỉ lệ %
I.	Học phần tiến sĩ	15	9	6	16,7%
<i>I.1</i>	<i>Học phần bắt buộc</i>	9	9	0	10%
<i>I.2</i>	<i>Học phần tự chọn</i>	6	0	6	6,7 %
II.	Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ	75	75	0	83,3%
	Tổng cộng	90	84	6	100%

Đối với NCS chưa có bằng Thạc sĩ *thuộc lĩnh vực Pháp luật*: 120 tín chỉ

STT	Khối kiến thức	Khối lượng kiến thức			
		Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tỉ lệ %
I.	Học phần bổ sung	30	20	10	
II.	Học phần tiến sĩ	15	9	6	16,7%
<i>II.1</i>	<i>Học phần bắt buộc</i>	9	9	0	10%
<i>II.2</i>	<i>Học phần tự chọn</i>	6	0	6	6,7 %
III.	Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ	75	75	0	83,3%
	Tổng cộng	120	104	16	100%

4. Danh mục các học phần trong CTĐT trình độ tiến sĩ chuyên ngành Luật kinh tế

Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)			Ghi chú
		Tổng số	LT	TH, TN, TL	
Các học phần bắt buộc		29	435	0	
073318	Triết học	3	45	0	

076817	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại	2	30	0	dành cho NCS chưa có bằng Thạc sĩ
076818	Bảo đảm Quyền con người trong lĩnh vực kinh tế	2	30	0	
076819	Pháp luật về công ty	3	45	0	
076824	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động kinh doanh	2	30	0	
076821	Pháp luật tài chính, ngân hàng	2	30	0	
076822	Pháp luật đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh	2	30	0	
076823	Pháp luật thương mại quốc tế	2	30	0	
076825	Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam	2	30	0	
	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý và liên chính luật học	3	45	0	
	Lý luận chuyên sâu về luật hợp đồng	3	45	0	
	Lý luận chuyên sâu về thương mại và thương mại quốc tế	3	45	0	
Các học phần lựa chọn		26 (chọn 16)	390	0	
076827	Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam	2	30	0	dành cho NCS chưa có bằng Thạc sĩ
076830	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp	2	30	0	

076831	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng	2	30	0	
076832	Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	2	30	0	
076834	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2	30	0	
076835	Pháp luật về thương mại điện tử	2	30	0	
	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	0	
	Quyền sở hữu trí tuệ và cạnh tranh trong bối cảnh biến đổi toàn cầu	2	30	0	
	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp trong nền kinh tế số	2	30	0	
	Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về dịch vụ cảng biển	2	30	0	
	Pháp luật về lao động và an sinh xã hội chuyên sâu	2	30	0	
	Pháp luật về kinh doanh trong nền kinh tế số	2	30	0	
	Pháp luật tài chính ngân hàng chuyên sâu	2	30	0	
Nghiên cứu khoa học: Luận án		75	0	0	
	Báo cáo đề cương chi tiết luận của án tiến sĩ	5	0	0	
	Chuyên đề tổng quan	10	0	0	
	Chuyên đề nghiên cứu 1	15	0	0	
	Chuyên đề nghiên cứu 2	15	0	0	

	Công bố khoa học liên quan đến luận án	5	0	0	
	Luận án tiến sĩ	25	0	0	
Tổng cộng:				0	

5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến:

Chương trình đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ thuộc lĩnh vực *Pháp luật*

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Việt	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
					L T	T H	Tự học		
Học kì 1									
Năm thứ 1									
1	073318	Triết học	Philosophy	3	45		105	Thuyết giảng	Tự luận cá nhân
2	076817	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại	Vietnam States and Law nowadays	2	30		70	Câu hỏi gợi mở Học theo vấn đề	Tự luận cá nhân
3	076818	Bảo đảm Quyền con người trong lĩnh vực kinh tế	Guarantee human rights on economy	2	30		70	Học theo tình huống Tập kích não Học nhóm	Tự luận cá nhân
4	076819	Pháp luật về công ty	Corporation law	3	45		105	Thảo luận nhóm	Tự luận cá nhân
5	076824	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động kinh doanh	Law on Intellectual Property in business activities	2	30		70	Học kết hợp	Tự luận cá nhân
Học kì 2									
Năm thứ 1									

	Công bố khoa học liên quan đến luận án	5	0	0
	Luận án tiến sĩ	25	0	0
Tổng cộng:				0

5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến:

Chương trình đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ thuộc lĩnh vực *Pháp luật*

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Việt	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
					L T	T H	Tự học		
Học kì 1									
Năm thứ 1									
1	073318	Triết học	Philosophy	3	45		105	Thuyết giảng	Tự luận cá nhân
2	076817	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại	Vietnam States and Law nowadays	2	30		70	Câu hỏi gợi mở Học theo vấn đề	Tự luận cá nhân
3	076818	Bảo đảm Quyền con người trong lĩnh vực kinh tế	Guarantee human rights on economy	2	30		70	Học theo tình huống Tập kích não Học nhóm	Tự luận cá nhân
4	076819	Pháp luật về công ty	Corporation law	3	45		105	Thảo luận nhóm	Tự luận cá nhân
5	076824	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động kinh doanh	Law on Intellectual Property in business activities	2	30		70	Học kết hợp	Tự luận cá nhân
Học kì 2									
Năm thứ 1									

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Việt	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
					L T	T H	Tự học		
6	076821	Pháp luật tài chính, ngân hàng	Law on finance and banking	2	30		70	Thuyết giảng Câu hỏi gọi mở	Tự luận cá nhân
7	076822	Pháp luật đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh	Law on land and natural resources	2	30		70	Học theo vấn đề Học theo tình huống	Tự luận cá nhân
8	076823	Pháp luật thương mại quốc tế	International Trade Law	2	30		70	Tập kích não Học nhóm	Tự luận cá nhân
9	076825	Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam	Labor disputes and labor disputes settlement in Vietnam	2	30		70	Thảo luận nhóm Học kết hợp	Tự luận cá nhân
Học kì 3									
Năm thứ 1									
NCS chọn 5/6 học phần dưới đây									
10	076827	Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam	Corruption and anti- corruption in Vietnam	2	30		70	Thuyết giảng Câu hỏi gọi mở Học theo vấn đề	Tự luận cá nhân

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Việt	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
					L T	T H	Tự học		
11	076830	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp	Law on corporate management	2	30		70	Học theo tình huống Tập kích não	Tự luận cá nhân
12	076831	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng	Competitive and protecting customers law	2	30		70	Học nhóm Thảo luận nhóm Học kết hợp	Tự luận cá nhân
13	076832	Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	International sale of goods contract	2	30		70		Tự luận cá nhân
14	076834	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	Law on securities and securities business	2	30		70		Tự luận cá nhân
15	076835	Pháp luật về thương mại điện tử	Law on e-commerce	2	30		70		Tự luận cá nhân
Học kì 1 - 2									
Năm thứ 2									
1		Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	Methods of legal research and	3	45		105	Thuyết giảng Câu hỏi gợi mở	Tự luận cá nhân

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Việt	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
					L T	T H	Tự học		
		và liên chính học thuật	academic integrity					Học theo vấn đề Học theo tình huống	
2		Lý luận chuyên sâu về luật hợp đồng	Advanced Theoretical Studies in Contract Law	3	45		105	Tập kích não Học nhóm Thảo luận	Tự luận cá nhân
3		Lý luận chuyên sâu về thương mại và thương mại quốc tế	Advanced Theoretical Studies in Trade Law and International Trade Law	3	45		105	nhóm Học kết hợp	Tự luận cá nhân
4		Báo cáo đề cương chi tiết của luận án	Detailed Outline of PhD Thesis	5					
NCS chọn 3/7 học phần dưới đây									
5		Môi trường và phát triển bền vững	Environment and Sustainable Development	2	30		70	Thuyết giảng Câu hỏi gợi mở	Tự luận cá nhân
6		Quyền sở hữu trí tuệ và cạnh tranh trong	Intellectual Property Rights and Competition	2	30		70	Học theo vấn đề Học theo tình huống	Tự luận cá nhân

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Việt	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
					L T	T H	Tự học		
		bối cảnh biến đổi toàn cầu	in The Context of Global Change					Tập kích não Học nhóm Thảo luận	
7		Pháp luật về quản trị doanh nghiệp trong nền kinh tế số	Corporate governance laws in the digital economy	2	30		70	nhóm Học kết hợp	Tự luận cá nhân
8		Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về dịch vụ cảng biển	International law and Vietnamese law on port services	2	30		70		Tự luận cá nhân
9		Pháp luật về lao động và an sinh xã hội chuyên sâu	Advanced Theoretical Studies in Labour and Social security	2	30		70		Tự luận cá nhân
10		Pháp luật về kinh doanh trong nền kinh tế số	Business law in the digital economy	2	30		70		Tự luận cá nhân

T T	Mã số	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Việt	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
					L T	T H	Tự học		Tự luận cá nhân
11		Pháp luật tài chính ngân hàng chuyên sâu	Advanced financial and banking law	2	30		70		
Học kì 3									
Năm thứ 2									
12		Chuyên đề tổng quan	Comprehensi ve literature review	10			x	Thực hiện báo cáo có hướng dẫn	Bảo vệ trước hội đồng
Năm thứ 3									
1		Chuyên đề nghiên cứu 1	Research Topic 1	15			x	Thực hiện báo cáo có hướng dẫn	Bảo vệ trước hội đồng
2		Chuyên đề nghiên cứu 2	Research Topic 2	15			x	Thực hiện báo cáo có hướng dẫn	Bảo vệ trước hội đồng
Năm thứ 4									
1		Công bố khoa học liên quan đến luận án	Scientific publications related to the PhD Thesis	5			x	Thực hiện báo cáo có hướng dẫn	Sản phẩm công bố đạt yêu cầu
2		Luận án tiến sĩ	PhD Thesis	25			x	Thực hiện báo cáo có hướng dẫn	Bảo vệ trước hội đồng

Chương trình đối với NCS có bằng thạc sĩ thuộc lĩnh vực Pháp luật

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Việt	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
					L T	T H	Tự học		
Học kỳ 1 - 2									
Năm thứ 1									
1		Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý và liên chính học thuật	Methods of legal research and academic integrity	3	45		105	Thuyết giảng Câu hỏi gợi mở Học theo vấn đề Học theo	Tự luận cá nhân
2		Lý luận chuyên sâu về luật hợp đồng	Advanced Theoretical Studies in Contract Law	3	45		105	tình huống Tập kích nào Học nhóm Thảo luận	Tự luận cá nhân
3		Lý luận chuyên sâu về thương mại và thương mại quốc tế	Advanced Theoretical Studies in Trade Law and International Trade Law	3	45		105	nhóm Học kết hợp	Tự luận cá nhân
4		Báo cáo đề cương chi tiết của luận án	Detailed Outline of PhD Thesis	5					
NCS chọn 3/7 học phần dưới đây									

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Việt	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
					L T	T H	Tự học		
5		Môi trường và phát triển bền vững	Environment and Sustainable Development	2	30		70	Thuyết giảng Câu hỏi gợi mở Học theo vấn đề	Tự luận cá nhân
6		Quyền sở hữu trí tuệ và cạnh tranh trong bối cảnh biến đổi toàn cầu	Intellectual Property Rights and Competition in The Context of Global Change	2	30		70	Học theo tình huống Tập kích não Học nhóm Thảo luận nhóm	Tự luận cá nhân
7		Pháp luật về quản trị doanh nghiệp trong nền kinh tế số	Corporate governance laws in the digital economy	2	30		70	Học kết hợp	Tự luận cá nhân
8		Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về dịch vụ cảng biển	International law and Vietnamese law on port services	2	30		70		
9		Pháp luật về lao động và an sinh	Advanced Theoretical Studies in	2	30		70		

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Việt	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
					L T	T H	Tự học		
		xã hội chuyên sâu	Labour and Social security						
10		Pháp luật về kinh doanh trong nền kinh tế số	Business law in the digital economy	2	30		70		
11		Pháp luật tài chính ngân hàng chuyên sâu	Advanced financial and banking law	2	30		70		
Học kỳ 3									
Năm thứ 1									
12		Chuyên đề tổng quan	Comprehen sive literature review	10			x	Thực hiện báo cáo có hướng dẫn	Bảo vệ trước hội đồng
Năm thứ 2									
1		Chuyên đề nghiên cứu 1	Research Topic 1	15			x	Thực hiện báo cáo có hướng dẫn	Bảo vệ trước hội đồng
2		Chuyên đề nghiên cứu 2	Research Topic 2	15			x	Thực hiện báo cáo có hướng dẫn	Bảo vệ trước hội đồng
Năm thứ 3									

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Việt	TÊN HỌC PHẦN (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
					L T	T H	Tự học		
1		Công bố khoa học liên quan đến luận án	Scientific publications related to the PhD Thesis				x	Thực hiện báo cáo có hướng dẫn	Sản phẩm công bố đạt yêu cầu
2		Luận án tiến sĩ	PhD Thesis				x	Thực hiện báo cáo có hướng dẫn	Bảo vệ trước hội đồng

6. Sự đóng góp của các học phần cho Chuẩn đầu ra chương trình

6.1. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ thuộc lĩnh vực Pháp luật

T T	Mã môn học	Tên môn học	Chuẩn đầu ra								
			PLO ₁ K1	PLO ₂ K2	PLO ₃ K3	PLO ₄ S1	PLO ₅ S2	PLO ₆ S3	PLO ₇ A1	PLO ₈ A2	PLO ₉ A3
1	073318	Triết học	I			I			I	I	
2	076817	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại	I		I	I		I		I	
3	076818	Bảo đảm Quyền con người trong lĩnh vực kinh tế	P		P	P			P	P	
4	076819	Pháp luật về công ty		I	I		I			P	
5	076824	Pháp luật sở hữu trí tuệ		M	M		M	M	M	M	

		trong hoạt động kinh doanh									
6	076821	Pháp luật tài chính, ngân hàng		P	P	P		P		P	
7	076822	Pháp luật đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh		M	M	M		M	M	M	
8	076823	Pháp luật thương mại quốc tế		M		M		M		M	
9	076825	Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam			M	M	M	M		M	
10	076827	Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam	P			I			P		
11	076830	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp		I			P		P		
12	076831	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng		P	P	P		P	P	P	

13	076832	Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế			M		M	M		M	
14	076834	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán		M	M		M	M		M	
15	076835	Pháp luật về thương mại điện tử		M	M		M	M		M	
14		Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý và liên chính học thuật	M	I	M	M	P			M	
15		Lý luận chuyên sâu về luật hợp đồng	M	M			M		M		P
16		Lý luận chuyên sâu về thương mại và thương mại quốc tế	M	M	P			M	M		
17		Môi trường và phát triển bền vững	M	P	M			M		M	P
18		Quyền sở hữu trí tuệ và	M	M			M	M			P

		cạnh tranh trong bối cảnh biến đổi toàn cầu									
19		Pháp luật về quản trị doanh nghiệp trong nền kinh tế số	M	P	M			M		P	M
20		Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về dịch vụ cảng biển	M	P	P			P	P		P
21		Pháp luật về lao động và an sinh xã hội chuyên sâu	M	M	P			M	M		
22		Pháp luật về kinh doanh trong nền kinh tế số	M	M	P			M	M		
23		Pháp luật tài chính ngân hàng chuyên sâu	M	M	P			M	M		
24		Báo cáo đề cương chi tiết của luận án	M	I		M	M				P

25		Chuyên đề tổng quan	M	I		M	M				P
26		Chuyên đề nghiên cứu 1	P	M	M	M	P	P	P	M	P
27		Chuyên đề nghiên cứu 2	M	P	P	P	M	M		M	P
28		Công bố khoa học liên quan đến luận án	P	M	M	M	P	P	P	M	P
29		Luận án tiến sĩ	M	M	M	M	M	P	P	M	M

6.2. Đối với NCS có bằng thạc sĩ thuộc lĩnh vực *Pháp luật*

TT	Mã môn học	Tên môn học	Chuẩn đầu ra								
			PLO ₁ K1	PLO ₂ K2	PLO ₃ K3	PLO ₄ S1	PLO ₅ S2	PLO ₆ S3	PLO ₇ A1	PLO ₈ A2	PLO ₉ A3
1		Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý và liên chính luật học	M	I	M	M	P			M	
		Lý luận chuyên sâu về luật hợp đồng	M	M			M		M		P
2		Lý luận chuyên sâu về thương mại thương	M	M	P			M	M		

		mại và quốc tế									
3		Môi trường và phát triển bền vững	M	P	M			M		M	P
4		Quyền sở hữu trí tuệ và cạnh tranh trong bối cảnh biến đổi toàn cầu	M	M			M	M			P
5		Pháp luật về quản trị doanh nghiệp trong nền kinh tế số	M	P	M			M		P	M
6		Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về dịch vụ cảng biển	M	P	P			P	P		P
7		Pháp luật về lao động và an sinh xã hội chuyên sâu	M	M	P			M	M		
8		Pháp luật về kinh doanh trong nền kinh tế số	M	M	P			M	M		

9		Pháp luật tài chính ngân hàng chuyên sâu	M	M	P			M	M		
10		Báo cáo đề cương chi tiết của luận án	M	I		M	M				P
11		Chuyên đề tổng quan	M	I		M	M				P
12		Chuyên đề nghiên cứu 1	P	M	M	M	P	P	P	M	P
13		Chuyên đề nghiên cứu 2	M	P	P	P	M	M		M	P
14		Công bố khoa học liên quan đến luận án	P	M	M	M	P	P	P	M	P
15		Luận án tiến sĩ	M	M	M	M	M	P	P	M	M

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

(1) Các học phần bổ sung

Triết học: 3 tín chỉ

Học phần Triết học nghiên cứu hệ thống các tri thức lý luận về lịch sử triết học, các quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về triết học, mối quan hệ giữa triết học và các khoa học, triết học về con người.

Học phần Triết học bao gồm hệ thống các tri thức được phân bố thành 7 bài, với thời lượng 45 giờ, trong đó NCS được tiếp cận hệ thống các tri thức cơ bản như: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Khái luận về triết học phương Đông và phương Tây; Khái lược về triết học Mác – Lênin chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; Mối quan hệ giữa triết học và các khoa học; Triết học về con người.

Bảo đảm Quyền con người trong lĩnh vực kinh tế: 2 tín chỉ

Học phần gồm 6 chương giúp NCS có được những kiến thức chuyên sâu của pháp luật về quyền con người, vấn đề lịch sử của việc bảo đảm quyền con người trong kinh doanh, quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế về bảo đảm quyền con người trong kinh doanh. Môn học bổ trợ các kiến thức pháp luật chuyên ngành liên quan, đặc biệt liên quan đến luật doanh nghiệp, luật nhân quyền quốc tế. Môn học giúp NCS vận dụng được những kiến thức pháp lý về quyền con người trong công việc. Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng như tư duy phản biện và sáng tạo.

Pháp luật về công ty: 3 tín chỉ

Học phần trang bị cho NCS những kiến thức pháp lý chuyên sâu về các loại hình công ty đang hoạt động trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam; loại hình doanh nghiệp; cấu trúc vốn; quy chế thành lập, hoạt động, giải thể, phá sản doanh nghiệp; cơ cấu tổ chức quản lý, tổ chức lại doanh nghiệp. Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 giờ lý thuyết.

Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động kinh doanh: 2 tín chỉ

Học phần giới thiệu cho NCS những vấn đề khái quát như khái niệm quyền sở hữu trí tuệ, các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ và nội dung quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Đồng thời, học phần cung cấp cho NCS những kiến thức chuyên sâu về sở hữu trí tuệ trong hoạt động kinh doanh như chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

Pháp luật tài chính, ngân hàng: 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho NCS những kiến thức liên quan đến lĩnh vực tài chính công; ngân sách nhà nước bao gồm: khái niệm ngân sách nhà nước, hệ thống ngân sách nhà nước, chế độ pháp lý về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; trình tự, thủ tục trong việc lập, phê chuẩn, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước; những quy định về thu, chi ngân sách nhà nước; việc quản lý quỹ ngân sách nhà nước cũng như các quy định của pháp luật về thanh tra tài chính, kiểm toán nhà nước và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, NCS cũng được cung cấp các kiến thức chuyên sâu trong hoạt động ngân hàng. Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 giờ lý thuyết.

Pháp luật đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh: 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho NCS những kiến thức cơ bản về đất đai và quản lý về đất đai; chế độ sở hữu toàn dân về đất đai; quản lý quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất; giao đất,

cho thuê đất và thu hồi đất; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; các quy định về chuyển quyền sử dụng đất, thanh tra đất đai và giải quyết tranh chấp đất đai; chế độ pháp lý về quản lý các loại đất. Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 giờ lý thuyết.

Pháp luật thương mại quốc tế: 2 tín chỉ

Học phần giúp NCS tổng hợp được các kiến thức cơ bản về quan hệ pháp luật thương mại quốc tế, tổ chức hoạt động của tổ chức thương mại quốc tế (WTO) và hệ thống văn bản pháp luật của WTO. Qua đó, NCS có thể áp dụng các quy định này để phân tích, bình luận các vụ kiện thực tế trong lĩnh vực thương mại quốc tế và rút ra các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu. Ngoài ra, học viên còn vận dụng được các quy định pháp luật quốc tế và tập quán quốc tế về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và vận chuyển hàng hóa quốc tế để có thể tư vấn cho khách hàng trong lĩnh vực thương mại quốc tế.

Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam: 2 tín chỉ

Môn học này giúp cho NCS nhận diện được các loại tranh chấp lao động và cách thức giải quyết tranh chấp lao động tại Việt Nam. Mặc dù pháp luật lao động cho phép các bên của quan hệ lao động được tự do, tự nguyện trong việc thỏa thuận nhằm xác lập các điều kiện lao động, song trong quá trình mua - bán sức lao động, nói cách khác, trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, giữa các chủ thể có thể xuất hiện các xung đột, mâu thuẫn, bất đồng. Những mâu thuẫn, bất đồng này có thể phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, thỏa ước lao động khi một trong hai bên cho rằng bên kia vi phạm thỏa thuận đã ký kết nhưng cũng có thể phát sinh khi một trong hai bên muốn thay đổi, bổ sung hay gia hạn hợp đồng, thỏa ước.

Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp cho NCS những kiến thức cần thiết về các hành vi tham nhũng, đặc trưng của hành vi tham nhũng và các chế tài đối với các hành vi tham nhũng, từ đó, NCS có thể hình thành thái độ tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế. Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 giờ lý thuyết.

Pháp luật về quản trị doanh nghiệp: 2 tín chỉ

Học phần giúp NCS tổng hợp được những kiến thức pháp luật cơ bản trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp để vận dụng vào thực tiễn kinh doanh tại doanh nghiệp. Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 giờ lý thuyết.

Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng: 2 tín chỉ

Môn học trang bị cho NCS những kiến thức chuyên sâu về cạnh tranh và pháp luật về cạnh tranh; các khái niệm thị trường liên quan và xác định thị trường sản phẩm liên quan và thị trường địa lý liên quan trong việc chống lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, chống độc quyền, xác định hành vi bán hàng đa cấp bất chính, v.v... từ đó đưa ra những giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả pháp luật về cạnh tranh, xác định các hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị pháp luật cấm nhằm tạo sự thuận lợi cho hoạt động cạnh tranh lành mạnh trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế ở nước ta hiện nay. Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 giờ lý thuyết.

Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế: 2 tín chỉ

Học phần sẽ trang bị cho NCS sự hiểu biết về các khái niệm và thách thức của pháp luật về mua bán hàng hóa quốc tế và kỹ năng phân tích một cách phê bình luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. NCS sẽ có được kiến thức chuyên sâu về các vấn đề pháp lý từ góc độ so sánh và quốc tế.

Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán: 2 tín chỉ

Học phần giúp cho NCS cụ thể hóa những kiến thức cơ bản, nền tảng về lịch sử hình thành, cơ chế hoạt động, chỉ báo thị trường chứng khoán; nắm vững các qui định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Trang bị cho NCS một số kiến thức và kỹ năng cho hoạt động tư vấn pháp luật trong lĩnh vực mở tài khoản, mua bán chứng khoán và giải quyết các tranh chấp liên quan phát sinh từ hoạt động phát hành và giao dịch chứng khoán. Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 giờ lý thuyết.

Pháp luật về thương mại điện tử: 2 tín chỉ

Học phần bao gồm 07 chương với các kiến thức cơ bản về đặc trưng của pháp luật thương mại điện tử như: đặc điểm của thương mại điện tử, vai trò của thương mại điện tử, cách thức xác lập hợp đồng qua mạng, chữ ký điện tử, thực hiện hợp đồng (giao hàng, cung ứng dịch vụ), thanh toán, giải quyết tranh chấp.

(2) Các học phần tiến sĩ

Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý và liên chính luật học: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho NCS kiến thức và kỹ năng trong nghiên cứu khoa học luật, gồm: các phương pháp nghiên cứu khoa học, học thuyết pháp lý, phương pháp tìm và xử lý tài liệu; xây dựng và thiết kế giả thuyết nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu; thiết kế và triển khai thực hiện công trình nghiên cứu khoa học như luận án, bài báo khoa học.

Lý luận chuyên sâu về luật hợp đồng: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho NCS kiến thức tiến tiến, chuyên sâu về nguyên tắc, giới hạn và các khía cạnh điều chỉnh của pháp luật hợp đồng.

Lý luận chuyên sâu về thương mại và thương mại quốc tế: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho NCS kiến thức tiến tiến, chuyên sâu về lý luận và pháp luật thương mại, thương mại quốc tế và đầu tư. Gồm: bản chất pháp lý của hoạt động kinh doanh, thương mại, đầu tư; quy định của pháp luật hiện hành điều chỉnh quan hệ đầu tư, quan hệ thương mại được thiết lập bởi thương nhân và các chủ thể khác; thực trạng yêu cầu của thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả điều chỉnh của pháp luật trong bối cảnh mới.

Môi trường và phát triển bền vững: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho NCS kiến thức tổng quát và chuyên sâu liên quan đến pháp luật về môi trường và phát triển bền vững ở những nội dung chính sau: (i) cơ sở lý luận của pháp luật về môi trường và phát triển bền vững; (ii) nguyên tắc, trình tự lập và thực hiện quy hoạch môi trường và phát triển bền vững; (iii) quy định cụ thể của pháp luật về bảo vệ môi trường trong một số lĩnh vực cụ thể (đất, nước, không khí...); (iv) quy định pháp luật về phát triển bền vững và các yêu cầu đặt ra để có thể đạt được mục tiêu “bền vững” (kinh tế, xã hội, môi trường); (v) pháp luật quốc tế về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Quyền sở hữu trí tuệ và cạnh tranh trong bối cảnh biến đổi toàn cầu: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho NCS kiến thức tiến tiến, chuyên sâu về nguyên tắc, giới hạn và các khía cạnh điều chỉnh của pháp luật đối với việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ của chủ sở hữu trong mối quan hệ với đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh, công bằng.

Pháp luật về quản trị doanh nghiệp trong nền kinh tế số: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp cho NCS nội dung và các cách thức tiếp cận chuyên sâu về thể chế dưới góc nhìn của kinh tế học và áp dụng trong việc xây dựng pháp luật quản trị doanh nghiệp dưới góc độ vi mô và luật nói chung. Nội dung học phần bao gồm 8 chương về các vấn đề của pháp luật và hệ thống luật trong nền kinh tế thị trường, tác động của thể chế đến kinh tế, cũng như một số phân tích vi mô về tác động của chính phủ đến thị trường và những khuyết tật của thị trường tự do.

Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về dịch vụ cảng biển: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp cho NCS kiến thức tiên tiến, chuyên sâu về những nguyên tắc pháp lý, các quy phạm pháp luật quốc tế cũng như Việt Nam điều chỉnh hoạt động khai thác dịch vụ cảng biển gồm: hoạt động dịch vụ cảng biển, hàng hải thương mại quốc tế, hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển quốc tế và bảo hiểm hàng hải quốc tế, từ đó

NCS có kiến thức và kỹ năng giải quyết các tranh chấp trong lĩnh vực khai thác dịch vụ cảng biển trong và ngoài nước.

Pháp luật về lao động và an sinh xã hội chuyên sâu: 2 tín chỉ

Học phần nhằm trang bị cho NCS nền tảng lý luận và kiến thức chuyên sâu về các tiêu chuẩn lao động quốc tế và pháp luật an sinh xã hội Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Nội dung học phần tập trung phân tích khái niệm, đặc điểm và vai trò của các tiêu chuẩn lao động quốc tế, đặc biệt là các công ước cơ bản của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), cũng như tác động của các tiêu chuẩn này đối với năng lực cạnh tranh quốc gia và sự phát triển của hệ thống pháp luật lao động. Học phần đi sâu nghiên cứu nội dung các tiêu chuẩn lao động quốc tế cốt lõi; đồng thời đánh giá việc nội luật hóa và thực thi các tiêu chuẩn này trong pháp luật lao động Việt Nam, chỉ ra những vấn đề pháp lý đặt ra và định hướng hoàn thiện pháp luật. Bên cạnh đó, học phần nghiên cứu có hệ thống pháp luật an sinh xã hội Việt Nam, tập trung vào các chế định bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, ưu đãi xã hội và trợ giúp xã hội, qua đó phát triển năng lực phân tích, so sánh pháp luật và đề xuất giải pháp khoa học phục vụ nghiên cứu và hoạch định chính sách.

Pháp luật về kinh doanh trong nền kinh tế số: 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho NCS hệ thống kiến thức chuyên sâu về bối cảnh hình thành, đặc điểm và xu hướng phát triển của kinh tế số, cũng như các mô hình kinh doanh số trong kỷ nguyên chuyển đổi số. Trên cơ sở đó, môn học phân tích nhu cầu, nội dung và những thách thức của việc điều chỉnh pháp luật đối với hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế số, đặc biệt trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam và xu hướng hoàn thiện pháp luật trong tương lai. Học phần tập trung làm rõ các vấn đề pháp lý trọng tâm như bảo vệ dữ liệu cá nhân, giao dịch điện tử và hợp đồng điện tử, chữ ký điện tử, xác thực giao dịch, cùng những vấn đề pháp lý phát sinh từ ứng dụng công nghệ mới như blockchain và hợp đồng thông minh. Đồng thời, môn học nghiên cứu pháp luật cạnh tranh và pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong môi trường số, qua đó giúp NCS nâng cao năng lực phân tích, đánh giá và vận dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề thực tiễn của hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế số hiện đại.

Pháp luật tài chính ngân hàng chuyên sâu: 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho NCS những kiến thức liên quan đến lĩnh vực tài chính công; ngân sách nhà nước bao gồm: khái niệm ngân sách nhà nước, hệ thống ngân sách nhà nước, chế độ pháp lý về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; trình tự, thủ tục trong việc lập, phê chuẩn, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước; những quy định về thu, chi ngân

sách nhà nước; việc quản lý quỹ ngân sách nhà nước cũng như các quy định của pháp luật về thanh tra tài chính, kiểm toán nhà nước và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, NCS cũng được cung cấp các kiến thức chuyên sâu trong hoạt động ngân hàng.

Chuyên đề tổng quan: 10 tín chỉ

Học phần trang bị cho nghiên cứu sinh khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, trên cơ sở đó, xác định các nội dung luận án kế thừa, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ Tập trung giải quyết, xác định các vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu của luận án

Chuyên đề nghiên cứu 1: 15 tín chỉ

Học phần trang bị cho nghiên cứu sinh có khả năng phân tích, đánh giá những kiến thức lý luận và lý luận pháp luật chuyên sâu liên quan mật thiết đến đề tài luận án; tổng hợp được các quan điểm và cơ sở khoa học để xây dựng khung lý thuyết, lý luận pháp luật làm nền tảng cho việc đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật gắn với vấn đề nghiên cứu của luận án.

Chuyên đề nghiên cứu 2: 15 tín chỉ

Học phần trang bị cho nghiên cứu sinh có khả năng phân tích, đánh giá những kiến thức về thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật liên quan mật thiết đến đề tài luận án; tổng hợp đối sánh, đánh giá quy định pháp luật và thực tiễn thực hiện để hình thành nền tảng tri thức, định hướng cơ sở khoa học cho việc xây dựng được các giải pháp hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả thực tiễn thực hiện gắn với vấn đề nghiên cứu của luận án.

Công bố khoa học liên quan đến luận án: 5 tín chỉ

Học phần yêu cầu NCS thực hiện và công bố các sản phẩm NCKH có liên quan đến đề tài luận án theo các yêu cầu sau đây:

+ Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành;

+ Các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả).

+ Nội dung của các sản phẩm NCKH phải liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án; Công bố sản phẩm NCKH trang bị cho nghiên cứu sinh có khả năng phân tích, đánh giá những kiến thức lý luận và lý luận pháp luật chuyên sâu liên quan mật thiết đến đề tài luận án; tổng hợp được các quan điểm và cơ sở khoa học để xây dựng khung lý thuyết, lý luận pháp luật làm nền tảng cho việc đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật gắn với vấn đề nghiên cứu của luận án

Luận án tiến sĩ: 25 tín chỉ

Học phần tạo cơ sở, điều kiện để NCS nghiên cứu và thực hiện đề tài khoa học về chuyên ngành luật kinh tế. Trang bị cho nghiên cứu sinh có khả năng nghiên cứu chuyên sâu về lý thuyết và ứng dụng trong lĩnh vực pháp luật kinh tế để tìm ra đóng góp mới, phát triển tri thức mới về lý luận pháp luật và giải quyết những vấn đề mới về khoa học pháp lý trong lĩnh vực luật kinh tế phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của Việt Nam. Đây là tiền đề quan trọng để NCS lựa chọn nghề nghiệp của mình, như nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo bậc đại học, cao đẳng hoặc tiếp tục nghiên cứu ở bậc cao hơn.

IV. ĐỐI SÁNH CTĐT ĐÃ THAM KHẢO

Nội dung đối sánh	CĐR CTĐT ngành Luật kinh tế trình độ TS của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CĐR CTĐT ngành Luật kinh tế của Trường ĐH Luật - ĐHQG Hà Nội	CTĐT ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Luật Hà Nội (HLU)	CĐR CTĐT TS Luật của ĐH Washington (UW-Mỹ)	CĐR CTĐT TS Luật của ĐH Montréal (UdeM-Canada)	CĐR CTĐT TS Luật của ĐHQG Singapore (NUS)	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	90 tín chỉ (đầu vào Thạc sĩ) 120 tín chỉ (đầu vào Đại học)	90 tín chỉ (đầu vào Thạc sĩ) 120 tín chỉ (đầu vào Đại học)	90 tín chỉ (đầu vào Thạc sĩ) 120 tín chỉ (đầu vào Đại học)	90 tín chỉ tối thiểu (bao gồm cả tín chỉ học phần và luận án)	90 tín chỉ	Không quy định tổng tín chỉ cứng. Tập trung vào thời gian cư trú và cột mốc nghiên cứu.	Các trường tại Việt Nam và UdeM có tổng tín chỉ tương đồng (90). UW có cách tính tín chỉ khác biệt (tỷ trọng môn học cao hơn). NUS theo mô hình Anh/Khối thịnh vượng chung: ít chú trọng đến tín chỉ, chú trọng thời gian nghiên cứu (3-4 năm).
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn học hoặc số tín chỉ)							
- Học phần đại	Tích hợp trong học phần bổ sung (nếu đầu	Tích hợp trong học phần bổ sung (nếu đầu	Tích hợp trong học phần bổ	Bắt buộc: Hệ thống pháp luật Hoa Kỳ	Bắt buộc: Hệ thống pháp luật	Bắt buộc 2 môn: Hội thảo Tiến sĩ	NTTU tuân thủ khung chuẩn trong nước. Các trường quốc tế yêu cầu kiến thức hệ thống

cương/Khoa học cơ bản	vào ĐH: Triết học 4TC).	vào ĐH: Triết học 4TC).	sung (nếu đầu vào ĐH: Triết học, Quản trị...).	(4-8 tín chỉ) và Phương pháp nghiên cứu.	Quebec/Canada (đối với sinh viên nước ngoài - 3TC).	(Doctoral Workshop) và Nghiên cứu Sau ĐH.	pháp luật sở tại ngay từ đầu. NUS tập trung ngay vào kỹ năng nghiên cứu hàn lâm.
- Học phần cơ sở và cốt lõi ngành	12 tín chỉ(4 học phần tiến sĩ: 3 bắt buộc + 1 tự chọn).	06 tín chỉ(2 bắt buộc + 1 tự chọn).	16 tín chỉ(8 bắt buộc + 8 tự chọn).	60 tín chỉ (Bao gồm cả phương pháp nghiên cứu và kiến thức chuyên môn sâu).	09 tín chỉ(Các seminar về lý thuyết và phương pháp).	Tối đa 4 môn tự chọn. Có thể xin miễn giảm tới 3 môn nếu đã đủ năng lực	NTTU có khối lượng học phần chuyên môn (12 TC) cao hơn VNU (6 TC) nhưng thấp hơn HLU (16 TC), tạo sự cân bằng hợp lý. UW yêu cầu học phần rất nặng (60 TC) trước khi làm luận án. NUS rất linh hoạt, cá nhân hóa cao độ, cho phép miễn giảm tối đa để tập trung viết luận án.
- Học phần nghiên cứu khoa học/Thực tập và tốt nghiệp (Ghi theo định hướng nghiên cứu hay ứng dụng)	78 tín chỉ- 03 Chuyên đề TS (8 TC)- Luận án (70 TC)(Định hướng nghiên cứu)	84 tín chỉ- Tiểu luận tổng quan & Chuyên đề (6 TC)- Luận án (78 TC)(Định hướng nghiên cứu)	74 tín chỉ- NCKH & Chuyên đề (14 TC)- Luận án (60 TC)(Định hướng nghiên cứu)	27 - 30 tín chỉ- Luận án (Dissertation) tối thiểu 27 TC.(Định hướng nghiên cứu)	81 tín chỉ- 2 Chuyên đề/Dự án (12 TC)- Luận án (69 TC)(Định hướng nghiên cứu)	Luận án tối đa 100.000 từ. Phải qua kỳ thi Sát hạch Tư cách NCS	NTTU dành 70 tín chỉ cho riêng luận án, cao hơn HLU (60) và thấp hơn VNU (78), tiệm cận với chuẩn của UdeM (69). Điều này cho thấy NTTU rất chú trọng vào chiều sâu của công trình luận án.

- Học phần khác	Học phần bổ sung 30 TC (cho đầu vào ĐH).	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo (bắt buộc nhưng không tính tín chỉ).	Sản phẩm NCKH quy đổi (bài báo, hội thảo) được tính tín chỉ (2 TC).	Seminar viết học thuật (Graduate Writing Seminar).	Kỳ thi tổng hợp (Examen de synthèse) - Bắt buộc.	Tham gia hội thảo nghiên cứu 2 tuần/lần.	NTTU tập trung vào chuyên đề. VNU/HLU yêu cầu trợ giảng. UW/UdeM yêu cầu kỳ thi sát hạch/tổng hợp khát khe.
Phương pháp giảng dạy/học tập	- Thuyết giảng kết hợp giải quyết tình huống (Case study).- Trực tiếp kết hợp trực tuyến (E-learning).- Tự nghiên cứu có hướng dẫn.	- Seminar khoa học.- Nghiên cứu độc lập.- Trợ giảng, hỗ trợ đào tạo.	- Trực tiếp kết hợp trực tuyến.- Thảo luận chuyên đề.- Nghiên cứu độc lập.	- Seminar, hướng dẫn cá nhân (Tutorial).- Viết đề cương (Prospectus defense).	- Seminar.- Hướng dẫn cá nhân.- Có chế độ "Cotutelle" (đồng hướng dẫn quốc tế).	-Mentorship (Cố vấn 1-1) - Hội thảo tiến sĩ định kỳ. - Môi trường nghiên cứu tập trung.	NTTU nổi bật với phương pháp Case study (thực tiễn) và mô hình Hybrid (trực tiếp + trực tuyến) được quy định rõ ràng, phù hợp xu thế hiện đại. NUS nhấn mạnh mô hình "Mentorship" (Thầy-Trò) chặt chẽ và môi trường học thuật tập trung
Học phí	Không có thông tin cụ thể trong tài liệu cung cấp.	Không có thông tin cụ thể trong tài liệu cung cấp.	Không có thông tin cụ thể trong tài liệu cung cấp.	Không có thông tin cụ thể trong tài liệu cung cấp.	Học phí phân biệt theo trạng thái cư trú (Quebec, Canada, Quốc tế).	Học phí phân loại theo có học bổng hoặc không (không cung cấp rõ trong tài liệu)	Cần tham khảo văn bản tài chính riêng của từng trường.
Các đối sánh khác (nếu có)	Triết lý giáo dục: "Thực	Yêu cầu đầu ra: Nhấn mạnh	Yêu cầu đầu ra: Nhấn	Yêu cầu đầu ra: Đóng góp	Yêu cầu: Chứng nhận	Định hướng Trường Luật	NTTU khác biệt ở chỗ nhấn mạnh đào tạo chuyên gia

	học - Thực hành - Thực danh - Thực nghiệp". Nhân mạnh tính ứng dụng và quản trị.	phẩm chất chính trị và phục vụ cộng đồng/Nhà nước.	mạnh năng lực chuyên gia đầu ngành và giảng dạy.	mới và quan trọng (Novel and significant contribution).	đạo đức nghiên cứu (nếu liên quan con người) là bắt buộc.	toàn cầu của Châu Á. Rất chọn lọc (chỉ 20-25 NCS/4 năm)	nghiên cứu (thể hiện qua các môn về quản trị, công nghệ), trong khi VNU/HLU thiên về hàn lâm/chính trị, và UW/UdeM thiên về phương pháp luận nghiên cứu. NUS là mô hình tinh hoa, số lượng cực ít, đào tạo nhân tài học thuật hàng đầu thế giới.
--	--	--	--	---	---	---	--

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hình thức tổ chức giảng dạy:

Các học phần trong CTĐT được chia thành nhiều học kỳ, tương ứng với 36 tháng (NCS có bằng Thạc sĩ) hoặc 48 tháng (NCS chưa có bằng Thạc sĩ). Học phần tiến sĩ được phân bổ đều trong các học kỳ. Học kỳ cuối dành cho NCS làm luận án tốt nghiệp.

2. Hình thức kiểm tra, đánh giá:

Để đánh giá NCS cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ, CTĐT ngành Luật Kinh tế trình độ Tiến sĩ sử dụng các phương pháp, cách thức đánh giá khác nhau tùy theo giai đoạn và tùy theo học phần. Cụ thể:

Dựa vào thời điểm đánh giá, việc đánh giá được thực hiện theo hai giai đoạn chính:

- Giai đoạn đầu vào: CTĐT ngành Luật Kinh tế trình độ Tiến sĩ đánh giá các ứng viên dự thi đầu vào để lựa chọn những người có động cơ và kiến thức nền tảng nhất định về pháp luật kinh tế để có thể theo học ở bậc Tiến sĩ. Nhằm mục đích này, CTĐT đánh giá ứng viên thông qua phỏng vấn để kiểm tra kiến thức, kỹ năng, thái độ, dự án nghiên cứu, định hướng nghề nghiệp.

- Giai đoạn đào tạo chính khóa: Việc kiểm tra, đánh giá kiến thức, năng lực, thái độ của NCS được thực hiện thông qua các học phần trong CTĐT. Mỗi học phần đều được kiểm tra đánh giá liên tục thông qua: sự có mặt và tham gia đóng góp vào các buổi học trên lớp của NCS; kiểm tra giữa học phần; thi kết thúc học phần. Các phương pháp đánh giá được ghi rõ trong từng đề cương chi tiết học phần.

Dựa vào phương pháp đánh giá:

Tùy theo mỗi học phần mà phương pháp kiểm tra đánh giá có thể khác nhau (thuyết trình, bài tập nhóm, tiểu luận, soạn thảo hợp đồng, tham gia diễn án, tranh biện...), nhưng đều nhằm đến việc đạt được Mục tiêu của CTĐT. Các phương pháp cụ thể này được mô tả chi tiết trong mỗi đề cương chi tiết học phần.

Cách thức chấm điểm:

Đối với các học phần giảng dạy trên lớp, việc chấm điểm được thực hiện theo thang điểm 10, quy đổi A, B, C, D, F theo quy chế, quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

Đối với các đề cương nghiên cứu khoa học của NCS, NCS sẽ bảo vệ trước Hội đồng gồm 3 nhà khoa học do Bộ môn nơi NCS sinh hoạt chuyên môn chủ trì. Kết quả của các báo

cáo này sẽ là kết luận của Hội đồng với các mức: a) Thông qua; b) Thông qua có điều chỉnh; c) Không thông qua.

Đối với luận án của NCS: việc đánh giá luận án được thực hiện theo quy chế, quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

3. Mô tả thêm các hướng dẫn khác do các đơn vị đào tạo, ngành đào tạo yêu cầu.

Theo yêu cầu đặc thù của ngành Luật Kinh tế, NCS cần rèn luyện khả năng nghiên cứu và công bố độc lập phù hợp với trình độ tiến sĩ. Đồng thời, NCS cần luyện tập các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết như thực hiện dự án nghiên cứu, huy động nguồn lực khoa học, tăng chỉ số ảnh hưởng, công bố quốc tế xếp hạng, tư vấn pháp lý chuyên sâu.

4. Yêu cầu về Cơ sở vật chất

Phòng thực hành nghề luật được thiết kế theo mô hình phiên tòa giả định, diện tích 40m², trang bị đầy đủ bàn ghế dành cho thẩm phán, thư ký phiên tòa, luật sư, kiểm sát viên, bị cáo,... và trang phục dành cho thẩm phán, kiểm sát viên.

Phòng học được thiết kế thông minh, hiện đại với hệ thống bàn học có thể di chuyển được giúp học viên thuận tiện khi thảo luận theo nhóm và trang bị máy chiếu, loa để học viên trình bày bài thuyết trình trong các môn học chuyên ngành. 



PGS, TS. Nguyễn Kim Hồng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TS. Đặng Thị Thu Huyền